

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Pháp lệnh số: 08/2013/UBTVQH13

**PHÁP LỆNH
Cảnh sát cơ động***Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;**Căn cứ Luật Công an nhân dân số 54/2005/QH11;**Căn cứ Nghị quyết số 23/2012/QH13 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII;**Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Cảnh sát cơ động.***Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Cảnh sát cơ động; điều kiện bảo đảm và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với Cảnh sát cơ động và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động

Cảnh sát cơ động thuộc Công an nhân dân, là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương và sự quản lý, chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an; thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Kết hợp chặt chẽ tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục với cơ động ngăn chặn, trấn áp kịp thời các hoạt động xâm phạm an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Dựa vào nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân và hệ thống chính trị; chịu sự giám sát của nhân dân.

Điều 5. Xây dựng Cảnh sát cơ động

1. Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia xây dựng, phối hợp, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ khi được yêu cầu.

3. Cảnh sát cơ động phải tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức, điều động, sử dụng Cảnh sát cơ động trái với quy định của Pháp lệnh này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chống lại hoặc cản trở Cảnh sát cơ động thi hành công vụ.

3. Giả danh Cảnh sát cơ động.

4. Sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận của Cảnh sát cơ động.

5. Lạm dụng, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động để gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến Cảnh sát cơ động.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động

1. Tham mưu cho Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Công an về công tác vũ trang bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động.

2. Thực hiện phương án tác chiến chống hoạt động phá hoại an ninh, bạo loạn vũ trang, khủng bố, bắt cóc con tin; trấn áp tội phạm có sử dụng vũ khí; giải tán các vụ gây rối, biểu tình trái pháp luật.

3. Tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức bảo vệ mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, chuyên hàng đặc biệt, hội nghị, sự kiện quan trọng theo danh mục do Chính phủ quy định.

5. Tham gia bảo vệ phiên tòa, dẫn giải bị can, bị cáo và hỗ trợ việc bảo vệ trại giam, trại tạm giam, thi hành các bản án hình sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; xây dựng, diễn tập các phương án tác chiến, phương án tuần tra, bảo vệ mục tiêu theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.

7. Tổ chức quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ.

8. Thực hiện nghi lễ trong Công an nhân dân.

9. Tham gia tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai.

10. Tham gia, phối hợp với các lực lượng, đơn vị, địa phương nơi đóng quân xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

11. Được quyền huy động người, phương tiện của cá nhân, tổ chức trong tình thế cấp thiết xử lý các tình huống được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc để đuổi bắt người và phương tiện vi phạm pháp luật, cấp cứu người bị nạn.

12. Trưng dụng tài sản phục vụ hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản.

13. Được quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp sơ đồ, thiết kế, bản vẽ công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức để giải cứu con tin, trấn áp hành vi khủng bố và tội phạm có sử dụng vũ khí. Việc vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và chỗ ở của thành viên các cơ quan này tại Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

14. Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

15. Hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức của Cảnh sát cơ động

1. Cảnh sát cơ động gồm:

a) Lực lượng đặc nhiệm;